

Bản án số: 127 /2024/DS-ST

Ngày 23.9.2024.

(V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Thanh.

Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 06 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q1 chi: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - A P, phường B, quận A, TP .

Địa chỉ liên hệ: Tầng F, Tòa nhà P U, phường B, quận B, TP .. Đại diện theo ủy quyền Nguyễn Trọng H - Cán bộ Ngân hàng Địa chỉ 125 Đ , phường C , quận T Thành phố Đà Nẵng (theo văn bản ủy quyền ngày 3/6/2024).

- Bị đơn: Ông Lê Trọng L - sinh năm 1989 và bà Bùi Thị L1 - sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ I, N, phường H, quận L, TP .. (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 16 tháng 2 năm 2024, tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn H1 trình bày trình bày:

Ngân hàng TMCP Q1 có ký hợp đồng tín dụng số 7479841.23 ngày 27/3/2023 với ông Lê Trọng L và bà Bùi Thị L1 với số tiền giải ngân là 3,100,000,000đ, mục đích giải ngân là vay vốn bất động sản; thời hạn vay 360 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 13.0%/ năm; Lãi suất điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của

V tại thời điểm điều chỉnh công biên độ 4.1/ Năm; Thời hạn trả nợ gốc vào ngày 13 hàng tháng; K trả gốc đầu tiên 03/10/2023 mỗi kỳ trả 51,667,000đ; trả lãi bắt đầu ngày 3/5/2023; trả phí theo quy định, Lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, có thể chấp tài sản: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 29, tờ bản đồ số: 192, địa chỉ: Lô B, khu G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 719295, số vào sổ cấp GCN: CTs 149035 do Sở T4 cấp ngày 16/01/2018.theo hợp đồng thế chấp là số 3289785.23.401 ngày 27/3/2023 do văn phòng C.

Ngoài ra ngày 28/3/2023 ông L còn có đơn đề nghị giải ngân và kiêm khế ước nhận nợ, hạn mức 200.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn 60 tháng, phí, lãi suất vay theo quy định của V trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông L và bà L1 đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại HĐTD, HĐTC đã ký khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 05/12/2022, xếp vào nợ xấu.

Tạm tính đến ngày 04/12/2023 ông L và bà L1 đã thanh toán cho VIB số tiền 294,091,179 đ (trong đó gốc 51,667,000đ lãi 242,424,179đ) và tính đến ngày 23/9/2024 còn nợ lại là 3,741,807,344đ, nợ gốc 3,048,333,000đ; nợ lãi 318,818,460 đ, nợ lãi quá hạn 95,285,090 đ, nợ thẻ tín dụng 279,370,794 đ.

Yêu cầu Tòa giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc ông Lê Trọng L và bà Bùi Thị L1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 ngay sau khi Bản án/Quyết định có hiệu lực thi hành, số tiền tạm tính đến ngày 23/09/2024 là: 3,741,807,344 đồng, trong đó: Nợ gốc là 3,048,333,000 đồng; nợ lãi là 318,818,460 đồng; nợ lãi quá hạn là 95,285,090 đồng; nợ thẻ tín dụng là 279,370,794 đồng.

2. Đề nghị Q tòa tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 24/09/2024 cho đến khi ông Lê Trọng L và bà Bùi Thị L1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) đã ký (Chi tiết xem HĐTD Số 7479841.23 ngày 27/03/2023, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7479841(1).23 ngày 28/03/2023. Đề nghị phát hành thì ngày 22/03/2023).

3. Trong trường hợp ông Lê Trọng L và bà Bùi Thị L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q1 có quyền được tự phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, cụ thể là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 29, tờ bản đồ số: 192, địa chỉ: Lô B, khu G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 719295, số vào sổ cấp GCN: CTs 149035

* Đối với bị đơn là ông Lê Trọng L và bà Bùi Thị L1: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, vắng mặt lần hai, không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi Tạm tính đến hết ngày 23/09/2024, tổng dư nợ của ông Lê Trọng L và bà Bùi Thị L1 tại V. Tạm tính đến ngày 23/9/2024 3,741,807,344đ, nợ gốc 3,048,333,000đ; nợ lãi 318,818,460 đ, nợ lãi quá hạn 95,285,090 đ, nợ thẻ tín dụng 279,370,794 đ và kể từ ngày 24/9/2024 bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ. Nếu không trả thì phát mãi tài sản đã thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng :

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Lê Trọng L và bà Bùi Thị L1 có địa chỉ tại Địa chỉ: Tổ I, N, phường H, quận L, TP .. nên vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự (Hợp đồng tín dụng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự:* Ông Lê Trọng L và bà Bùi Thị L1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội Dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 7479841.23 ngày 27/3/2023 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng 28/3/2023 và hợp đồng thế chấp là số 3289785.23.401 ngày 27/3/2023 giữa Ngân hàng TMCP Q1 (V) (nguyên đơn) được ký kết với ông Lê Trọng L và bà Bùi Thị L1 (bị đơn) là giao dịch dân sự, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự phù hợp với các điều 116, 117, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

Hợp đồng tín dụng, mua bất động sản và có thế chấp là nhà và đất, với hạn mức giải ngân cho ông L, bà L1 là 3.100,000,000đ và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là hợp

đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, với hạn mức thẻ tín dụng: 200.000.000 đồng; Do bị đơn vi phạm hợp đồng; mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc nhưng bị đơn vẫn chạy lỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông L, bà L1 đã trả được 294,091,179 đ (trong đó gốc 51,667,000đ lãi 242,424179đ) khoản vay đã quá hạn thanh toán ngày 04/12/2023; và từ đó đến nay không thanh toán cho nguyên đơn; cho nên vi phạm nội dung thỏa thuận tại HĐTD, HĐTC, khoản vay trên đã xếp vào nhóm nợ xấu. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2024 là 3,741,807,344đ, nợ gốc 3,048,333,000đ; nợ lãi 318,818,460 đ, nợ lãi quá hạn 95,285,090 đ, nợ thẻ tín dụng 279,370,794.(trong đó gốc 199,996,000đ, lãi 60,744,934đ, phí chậm thanh toán 18,000,000đ, phí vượt hạn mức 629,860 đ) và tiếp tục trả lãi kể từ ngày 24/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên. Do đó HĐXX căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463, 465 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1]. Đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 29, tờ bản đồ số: 192, địa chỉ: Lô B, khu G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 719295, sổ vào sổ cấp GCN: CTs 149035 do Sở T4 cấp ngày 16/01/2018 theo hợp đồng thế chấp là số 3289785.23.401 ngày 27/3/2023 do văn phòng C. Nếu bị đơn không trả tiền vay thì đề nghị HĐXX phát mãi tài sản thế chấp; HĐXX căn cứ theo thỏa thuận tại Điều 9 của Hợp đồng thế chấp ký ngày 27/3/2023 và theo các Điều 299 và 320, 325 của Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật đất đai 2013 nên cần được chấp nhận.

[2.4]. Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn ông Lê Trọng L và bà Bùi Thị L1 phải chịu án phí sơ thẩm là: 106.836.000 (*Một trăm lẻ sáu triệu, tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng*); căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

[4]. Phí xem xét thẩm định tại chỗ: do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu Số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng các điều 116, 117, 119, 320,325, 463, 465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật đất đai 2013.
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227; Điều 266, Điều 269 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q1 (V) đối với ông Lê Trọng L và bà Bùi Thị L1.

Xử: Buộc ông Lê Trọng L và bà Bùi Thị L1 phải trả cho Ngân hàng số tiền vay tạm tính đến ngày 23/9/2024 là: 3,741,807,344đ, nợ gốc 3,048,333,000đ; nợ lãi 318,818,460 đ, nợ lãi quá hạn 95,285,090 đ, nợ thẻ tín dụng 279,370,794.(trong đó gốc 199,996,000đ; lãi 60,744,934đ; phí chậm thanh toán 18,000,000đ; phí vượt hạn mức 629,860 đ).

Kể từ ngày 24/9/2024 ông L, bà L1 có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký kết ngày 27 và 28/3/2023; cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu không trả thì sẽ phát mãi tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 29, tờ bản đồ số: 192, địa chỉ: Lô B, khu G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 719295, số vào sổ cấp GCN: CTs 149035 do Sở T5.Đà Nẵng cấp ngày 16/01/2018 theo hợp đồng thế chấp là số 3289785.23.401 ngày 27/3/2023 do văn phòng C.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 106.836.000 (*Một trăm lẻ sáu triệu, tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng*) ông Lê Trọng L và bà Bùi Thị L1 phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 (V) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49.457.475 đồng (*Bốn mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng*) theo biên lai thu số 0544 ngày 08/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000đ (ba triệu đồng) ông Lê Trọng L và bà Bùi Thị L1 phải chịu, nhưng Ngân hàng đã chi xong cho nên ông L, bà L1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q1 (V).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q1 (V) có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê Trọng L và bà Bùi Thị L1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

